
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025
CÔNG TY CP VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ





MỤC LỤC

| | | |
|------|---|----|
| I. | THÔNG TIN CHUNG..... | 0 |
| 1. | Thông tin khái quát..... | 0 |
| 2. | Ngành nghề và địa bàn kinh doanh..... | 1 |
| 3. | Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý..... | 1 |
| 4. | Định hướng phát triển | 5 |
| 5. | Các rủi ro | 7 |
| 6. | Thành tích đạt được..... | 9 |
| II. | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM..... | 9 |
| 1. | Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 9 |
| 2. | Tổ chức và nhân sự | 11 |
| 3. | Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án | 14 |
| 4. | Tình hình tài chính..... | 16 |
| 5. | Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 17 |
| 6. | Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty | 21 |
| III. | BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC..... | 24 |
| 1. | Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 24 |
| 2. | Tình hình tài chính..... | 25 |
| 3. | Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý..... | 25 |
| 4. | Kế hoạch phát triển trong tương lai..... | 26 |
| 5. | Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty..... | 26 |
| IV. | ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY..... | 29 |
| 1. | Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty | 29 |
| 2. | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Giám đốc Công ty | 30 |
| 3. | Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị | 30 |
| V. | QUẢN TRỊ CÔNG TY | 31 |
| 1. | Hội đồng quản trị | 31 |
| 2. | Ban Kiểm soát..... | 34 |
| 3. | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát | 35 |
| VI. | BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN..... | 35 |
| 1. | Ý kiến kiểm toán..... | 36 |
| 2. | Báo cáo tài chính năm 2025..... | 36 |

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

| | |
|--|---|
| Tên giao dịch: | CÔNG TY CP VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ |
| Tên viết bằng tiếng nước ngoài: | TECHNO - AGRICULTURAL SUPPLYING JOINT STOCK COMPANY |
| Tên viết tắt: | TSC |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: | số 1800518314 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 25/07/2003 đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 22/11/2024. |
| Vốn điều lệ: | 1.968.589.250.000 đồng |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu: | 2.005.378.082.977 đồng |
| Địa chỉ: | 1D, Phạm Ngũ Lão, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam |
| Số điện thoại: | 024.3200.1155 |
| Số fax: | |
| Website: | http://www.tsecantho.com.vn/ |
| Mã cổ phiếu: | TSC |
| Sàn niêm yết: | Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX) |
| Logo Công ty: | |



Quá trình hình thành phát triển

Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tiền thân là Công ty Vật tư Nông nghiệp Hậu Giang có lịch sử hình thành và phát triển đến nay đã qua 50 năm. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh nông sản và kinh doanh hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) thông qua các Công ty con chủ chốt. Sau 50 năm hình thành và phát triển, TSC đã gây dựng được uy tín, thương hiệu đối với người nông dân miền Tây Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung.

- Cuối năm 1976: UBND tỉnh Hậu Giang quyết định thành lập Công ty Vật tư Nông nghiệp Hậu Giang.
- Năm 1986: UBND tỉnh Hậu Giang sáp nhập Công ty giống cây trồng, xí nghiệp giống vào Công ty Vật tư Nông nghiệp Hậu Giang hình thành nên Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Hậu Giang.
- Năm 1992: Khi đăng ký thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông



ngành Hậu Giang đã được đổi tên thành Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ theo thông báo số 177/HĐBT/TB ngày 10/10/1992 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm.

- Ngày 25/07/2003: Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo hướng giữ nguyên vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để thu hút thêm vốn.
- Tháng 4/2007: Tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 đồng lên 83.129.150.000 đồng thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu, từ phần thuế thu nhập được miễn giảm và phát hành cho cổ đông hiện hữu.
- Ngày 21/06/2007: Công ty trở thành Công ty đại chúng với mức vốn điều lệ là 83.129.150.000 đồng.
- Ngày 04/10/2007: Cổ phiếu TSC chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 113/QĐ-SGDCK của Tổng giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số cổ phần niêm yết lần đầu là 8.312.915 cổ phần.
- Ngày 01/08/2014: TSC đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ khi trở thành thành viên của Công ty cổ phần Đầu tư F.I.T với vốn điều lệ 158.129.150.000 đồng.
- Đến nay, TSC có vốn điều lệ là 1.968.589.250.000 đồng. Bên cạnh lĩnh vực kinh doanh nông sản, Công ty đã sở hữu các Công ty con cấp 1 và Công ty con cấp 2 trong lĩnh vực chế biến nông sản và hàng tiêu dùng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- *Ngành nghề kinh doanh chính:* Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp
- *Địa bàn kinh doanh chính:* Thành phố Cần Thơ, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện nay, TSC chủ yếu thực hiện quản lý hoạt động đầu tư vào công ty con; sản xuất và kinh doanh thông qua các công ty con, công ty liên kết.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị

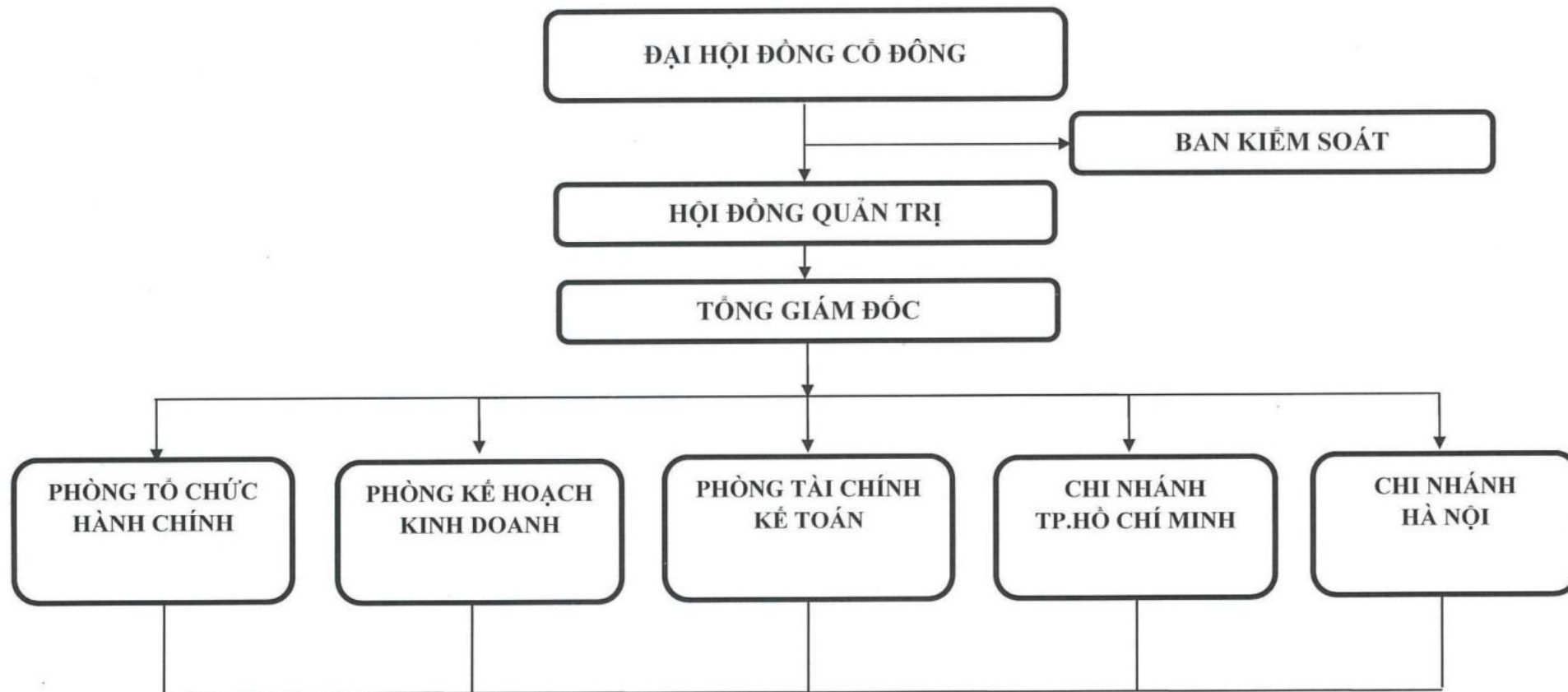
Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của TSC





3.3. Các Công ty con, Công ty liên kết

3.3.1. Các Công ty con

| STT | Tên Công ty | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính | Vốn điều lệ | Tại thời điểm 31/12/2025 | |
|-----|---|---|--|-------------------|--|--|
| | | | | | Tỷ lệ sở hữu của TSC tại các Công ty này | Tỷ lệ biểu quyết của TSC tại các Công ty |
| 1 | Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây (*) (Mã số doanh nghiệp: 1800512175) | Khu Công Nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | Chế biến và bảo quản rau quả, thu mua và chế biến nông sản, thực phẩm xuất khẩu... | 329.134.060.000 | 45,11% | 45,11% |
| 2 | Công ty cổ phần Hạt giống TSC (Mã số doanh nghiệp: 1801361391) | 1D, Phạm Ngũ Lão, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng; nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp... | 190.000.000.000 | 57,63% | 57,63% |
| 3 | Công ty cổ phần FIT Consumer (Mã số doanh nghiệp: 0313522734) | Số 1D Đường Phạm Ngũ Lão, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 1.460.037.500.000 | 83,22% | 87,84% |
| 4 | Công ty cổ phần Giống cây trồng Nông Tín (Mã số doanh nghiệp: 3901167137) | Tầng 1, Toà nhà HSC, số 162B Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam | Xử lý hạt giống để nhân giống; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp | 30.000.000.000 | 77,67% | 77,67% |
| 5 | Công ty cổ phần Westfood Hậu Giang | Khu Công nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1, Xã Châu Thành, | Chế biến và bảo quản rau quả (Chi tiết: Chế biến và đóng hộp rau quả; | 282.645.000.000 | 44,88% | 99,50% |



| STT | Tên Công ty | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính | Vốn điều lệ | Tại thời điểm 31/12/2025 | |
|-----|---|--|--|-----------------|--|--|
| | | | | | Tỷ lệ sở hữu của TSC tại các Công ty này | Tỷ lệ biểu quyết của TSC tại các Công ty |
| | (Mã số doanh nghiệp: 6300265343) | Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | chế biến và bảo quản rau quả khác) | | | |
| 6 | Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (Mã số doanh nghiệp: 4200283916) | Thôn Cây Sung, Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết: Sản xuất đồ uống không cồn. Sản xuất nước khoáng thiên nhiên đóng chai) | 124.999.880.000 | 79,51% | 95,53% |

(*) Tỷ lệ biểu quyết của TSC tại Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây chỉ đạt 45,11%, tuy nhiên TSC vẫn là Công ty mẹ của Công ty này do TSC có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

3.3.2. Các Công ty liên kết

| STT | Tên Công ty | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính | Vốn điều lệ | Tại thời điểm 31/12/2025 | |
|-----|---|---|---|-------------------|--|--|
| | | | | | Tỷ lệ sở hữu của TSC tại các Công ty này | Tỷ lệ biểu quyết của TSC tại các Công ty |
| 1 | Công ty cổ phần FIT Cosmetics (Mã số doanh nghiệp: 0104344157) | Tầng 2 số 81 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Phân phối hàng tiêu dùng | 195.900.000.000 | 40,78% | 49,00% |
| 2 | Công ty cổ phần Đầu tư Tây Đô Cửu Long (**) (Mã số doanh nghiệp: 1801810382) | Khu Công Nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | Hoạt động tư vấn đầu tư, hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn tài chính và pháp luật) | 2.968.000.000.000 | 18,06% | 20,05% |

(**) Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của TSC khi đầu tư góp vốn tại Công ty này chỉ đạt 10,28% nhưng tỷ lệ sở hữu hiện tại đạt 18,06% và tỷ lệ biểu quyết đạt 20,05% (được coi là công ty liên kết) do bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp từ các công ty con là Công ty cổ phần FIT Consumer và Công ty cổ phần Hạt giống TSC.



4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- 4.1.1. Cung cấp giải pháp toàn diện để góp phần phát triển ngành Nông nghiệp Việt Nam theo hướng công nghệ cao, bền vững. Tiếp tục xây dựng, quảng bá thương hiệu và đẩy mạnh công tác truyền thông một cách có hệ thống để nâng cao độ nhận diện các nhãn hàng của Công ty ở trong và ngoài nước.
- 4.1.2. Tập trung khai thác dự án Nhà máy Westfood Hậu Giang theo kế hoạch.
- 4.1.3. Tập trung khắc phục những hoạt động kinh doanh chưa thật sự hiệu quả để duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định. Phát triển đa dạng sản phẩm và mở rộng quy mô kinh doanh trong và ngoài nước để đạt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi của tất cả nhà đầu tư.
- 4.1.4. Duy trì và phát triển hệ thống quản trị/quản lý theo xu hướng số hóa nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và giám sát các Công ty con, đặc biệt là các nhà máy sản xuất, đảm bảo công tác báo cáo quản lý lên Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T.
- 4.1.5. Phát triển văn hóa doanh nghiệp, xây dựng đội ngũ nhân sự hiện tại và kế cận có năng lực, sáng tạo và nhiệt huyết để đưa Công ty phát triển vững mạnh.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- 4.2.1. Duy trì và phát triển Công ty trên cơ sở các tiêu chuẩn, giá trị đã đề ra và xuyên suốt quá trình hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:
 - a. Tầm nhìn: Trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp.
 - b. Sứ mệnh: Cung cấp giải pháp toàn diện để phát triển ngành Nông nghiệp Việt Nam theo hướng công nghệ cao, bền vững.
 - c. Giá trị cốt lõi:
 - Tôn trọng (T): Tôn trọng đồng nghiệp, tôn trọng đối tác, tôn trọng tài nguyên môi trường và cam kết phát triển bền vững.
 - Sáng tạo (S): Luôn chủ động tìm kiếm, tạo ra các sáng kiến, ý tưởng mới, giải pháp mới và cam kết hoàn thành.
 - Chính trực (C): Suy nghĩ và hành động phải nhất quán. Trung thực với bản thân và cộng đồng.
- 4.2.2. TSC tập trung xây dựng chuỗi giá trị tổng hợp trong lĩnh vực nông nghiệp thông minh. Công ty sử dụng nguồn vật tư nông nghiệp chất lượng cao, phát triển vùng nguyên liệu chiến lược nhằm sản xuất nông sản chất lượng vượt trội. Đồng thời, chú trọng xây dựng chuỗi giá trị gắn kết chặt chẽ giữa nông dân và doanh nghiệp, qua đó thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và cải tiến hệ thống chế biến để tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao và sức cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường trong nước lẫn quốc tế.
- 4.2.3. TSC xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn với trọng tâm là phát triển các ngành hàng tiềm năng như chế biến xuất khẩu hoa quả và hàng tiêu dùng nhanh (FMCG). Trong các bước phát triển quan trọng này, TSC nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Công ty mẹ - Tập đoàn F.I.T, bao gồm nguồn vốn, năng lực quản trị, điều hành và định hướng chiến lược tổng thể trong các năm tới.



4.2.4. TSC luôn lấy lợi ích và sức khỏe của người tiêu dùng làm trung tâm, hướng đến việc cung cấp các sản phẩm an toàn và hỗ trợ nâng cao thể chất lẫn trí tuệ. Đây là định hướng lâu dài, khẳng định cam kết của TSC trong việc tạo ra giá trị bền vững cho cộng đồng.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

4.3.1. Bảo vệ môi trường:

- Sử dụng tài nguyên hiệu quả, phát triển sản phẩm bền vững: TSC đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp công nghệ và kỹ thuật nhằm tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên, tiết kiệm năng lượng và hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường. Các sản phẩm của Công ty không chỉ đáp ứng nhu cầu thị trường mà còn hướng đến nâng cao chất lượng cuộc sống, phù hợp với định hướng phát triển bền vững của địa phương.
- Cam kết bảo vệ môi trường trong sản xuất: TSC định hướng phát triển theo mô hình nông nghiệp công nghệ cao gắn với tiêu chí bền vững, trong đó bảo vệ môi trường là ưu tiên hàng đầu. Công ty kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất tại các nhà máy nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn môi trường, đồng thời duy trì nguyên tắc hài hòa giữa phát triển kinh doanh và bảo vệ hệ sinh thái.
- Đầu tư công nghệ và xử lý chất thải: Công ty tập trung nâng cấp trang thiết bị, áp dụng dây chuyền sản xuất hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả và giảm phát thải. Đồng thời, hệ thống xử lý chất thải, đặc biệt là nước thải, được đầu tư đồng bộ với công nghệ tiên tiến. TSC cũng hợp tác với các đơn vị chuyên môn để thực hiện tái chế và xử lý chất thải an toàn, góp phần giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường.

4.3.2. Xã hội và cộng đồng:

- TSC tiếp tục phát triển vùng nguyên liệu và hoạt động sản xuất để góp phần tạo việc làm tại địa phương. Công ty cũng triển khai chính sách thu mua ổn định với mức giá cạnh tranh, đảm bảo quyền lợi cho người nông dân.
- Môi trường làm việc tại TSC được xây dựng theo các giá trị minh bạch, chính trực và sáng tạo. Thông qua chính sách tuyển dụng linh hoạt, đào tạo chuyên sâu và chế độ đãi ngộ phù hợp, người lao động được tạo điều kiện phát triển toàn diện. Bên cạnh đó, Công ty còn tích cực hỗ trợ các hoạt động giáo dục và nâng cao đời sống văn hóa tại địa phương.
- Đối với người tiêu dùng, TSC cam kết cung cấp thông tin sản phẩm đầy đủ, minh bạch, giúp khách hàng lựa chọn và sử dụng hiệu quả, an tâm.
- Trong định hướng tương lai, TSC tiếp tục nâng cao tiêu chuẩn chất lượng, phát triển sản phẩm có giá trị bền vững, qua đó gia tăng đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

4.3.3. Chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- Đẩy mạnh chế biến nông sản: Đẩy mạnh công tác xuất khẩu và truyền thông giới thiệu sản phẩm để thu hút nhà đầu tư, đối tác kinh doanh xuất nhập khẩu; Tập trung phát triển vùng nguyên liệu đa dạng, chủ động nguồn cung và nâng cao đời sống người dân địa phương. Đồng thời mở rộng quy mô sản xuất, duy trì theo sát kế hoạch về tiến độ xây dựng, khai thác nhà máy chế biến nông sản Westfoof Hậu Giang hiện đại, đảm bảo hiệu quả và trách nhiệm môi trường.
- Phát triển sản phẩm tiêu dùng xanh: Công ty tiếp tục duy trì các dòng sản phẩm ứng dụng



công nghệ enzyme từ châu Âu, không chứa hóa chất độc hại, an toàn cho sức khỏe, góp phần thúc đẩy xu hướng tiêu dùng xanh.

- Tăng trưởng mảng nước uống đóng chai: Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc biệt là nước khoáng kiềm thiên nhiên Vikoda, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh nhận diện thương hiệu và mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Nâng cao tiêu chuẩn quản lý chất lượng: Áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến như HACCP, BRC, KOSHER và tiêu chuẩn quốc tế nhằm kiểm soát chặt chẽ toàn bộ quy trình sản xuất, đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.
- Đẩy mạnh thương hiệu và kênh bán hàng: Tăng cường hoạt động truyền thông, nâng cao nhận diện các nhãn hiệu, kết hợp phát triển đa dạng các kênh phân phối và phương thức bán hàng hiện đại.
- Nâng cao năng lực dự báo thị trường: Chủ động nghiên cứu biến động về giá cả; nguyên vật liệu đầu vào; nhu cầu cung cầu; thời tiết, dịch bệnh và cạnh tranh để xây dựng các phương án ứng phó linh hoạt, đảm bảo hiệu quả hoạt động trong bối cảnh kinh tế biến động.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro về kinh tế

Tại Việt Nam, nền kinh tế năm 2025 vẫn chịu tác động từ bối cảnh bên ngoài, trong khi nội tại còn nhiều thách thức. Hoạt động sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan và thiên tai, gây gián đoạn nguồn cung nguyên liệu. Đồng thời, doanh nghiệp tiếp tục chịu áp lực từ chi phí đầu vào tăng cao, chi phí tài chính và nhu cầu thị trường phục hồi chậm, đặc biệt trong các ngành sản xuất và tiêu dùng.

Bên cạnh đó, biến động của thị trường tài chính và tiền tệ quốc tế tiếp tục tạo áp lực lên tỷ giá, lãi suất và điều hành chính sách tiền tệ trong nước. Mặc dù lạm phát được kiểm soát ở mức nhất định, nhưng vẫn tiềm ẩn rủi ro do giá năng lượng và hàng hóa thế giới biến động khó lường, đặc biệt trong bối cảnh xung đột chính trị trên thế giới còn căng thẳng. Xuất khẩu duy trì đà tăng trưởng nhưng còn phụ thuộc đáng kể vào khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cho thấy năng lực tự chủ của nền kinh tế còn hạn chế.

Trong bối cảnh đó, số lượng doanh nghiệp gặp khó khăn, thu hẹp quy mô hoặc tạm ngừng hoạt động vẫn ở mức cao, phản ánh áp lực về vốn, thị trường và khả năng thích ứng. Đặc biệt, khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp tục đối mặt với nhiều rào cản trong tiếp cận tín dụng và duy trì hoạt động.

Nhìn chung, kinh tế vĩ mô năm 2025 vẫn chịu áp lực từ cả yếu tố bên ngoài và nội tại. Dù tăng trưởng tín dụng có cải thiện, khả năng tiếp cận nguồn vốn vay của doanh nghiệp còn hạn chế, kéo theo những rủi ro nhất định đối với hoạt động sản xuất kinh doanh. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải chủ động nâng cao năng lực quản trị, linh hoạt trong chiến lược và tăng cường khả năng chống chịu trước các biến động trong giai đoạn tới.

5.2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp sản xuất niêm yết trên sàn HOSE, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều quy định pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật An toàn thực phẩm cùng các nghị định, thông tư liên quan. Trong giai đoạn 2024 - 2025, việc



sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn đã góp phần hoàn thiện khung pháp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập của thị trường nhưng cũng đặt ra không ít vướng mắc trong khâu vận dụng và tuân thủ pháp luật vào thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp niêm yết.

Những thay đổi này đòi hỏi Công ty phải thường xuyên cập nhật quy định và nâng cao năng lực quản trị rủi ro. Mặc dù việc áp dụng quy định mới có thể phát sinh một số khó khăn trong quá trình triển khai, nhưng về dài hạn, hệ thống pháp lý ngày càng hoàn thiện sẽ tạo nền tảng minh bạch, giúp Công ty nâng cao hiệu quả hoạt động và hạn chế rủi ro trong quản trị và kinh doanh.

5.3. Rủi ro đặc thù

Hiện nay, thị trường các mặt hàng nông sản chế biến sẵn và hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) ngày càng phát triển với sự đa dạng về mẫu mã, chủng loại và mức giá, mang lại nhiều lựa chọn cho người tiêu dùng nhưng đồng thời cũng làm gia tăng mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, tác động của hoạt động truyền thông thương hiệu ngày càng lớn, khi các chiến lược quảng cáo, khuyến mãi và ưu đãi được triển khai rộng rãi nhưng cũng dễ bị sao chép. Nhiều sản phẩm trên thị trường có tính tương đồng cao về công dụng và hình thức, khiến việc tạo ra sự khác biệt, dấu ấn riêng để thu hút khách hàng trở thành yêu cầu tất yếu nhưng cũng là thách thức không nhỏ đối với doanh nghiệp.

Song song với sự phong phú của sản phẩm, người tiêu dùng ngày càng gặp khó khăn trong việc phân biệt chất lượng và đánh giá sự tương xứng giữa giá cả và giá trị thực tế. Điều này có thể ảnh hưởng đến niềm tin và hành vi tiêu dùng. Ngoài ra, các yếu tố sáng tạo trong sản phẩm, bao bì hay chiến lược kinh doanh cũng có nguy cơ bị đối thủ sao chép nhanh chóng, thậm chí bị khai thác theo hướng bất lợi, làm giảm hiệu quả đầu tư và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, doanh nghiệp không chỉ cần đổi mới liên tục mà còn phải xây dựng chiến lược bảo vệ thương hiệu và nâng cao giá trị cốt lõi nhằm duy trì lợi thế trên thị trường.

5.4. Rủi ro thiên tai, dịch bệnh

Đối với Công ty nói riêng và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông sản nói chung, rủi ro từ môi trường, thiên tai và dịch bệnh luôn hiện hữu và khó tránh khỏi.

Trong năm 2025, sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng mạnh từ biến đổi khí hậu với nhiều hiện tượng thời tiết như nắng nóng kéo dài, hạn hán cục bộ tại khu vực Tây Nguyên và miền Trung, cùng với tình trạng xâm nhập mặn gia tăng ở Đồng bằng sông Cửu Long. Bên cạnh đó, mưa lớn bất thường, bão và áp thấp nhiệt đới trong mùa mưa đã gây ngập lụt tại một số địa phương phía Bắc và miền Trung, làm gián đoạn hoạt động sản xuất, thu hoạch, vận chuyển và chuỗi cung ứng nông sản.

Ngoài yếu tố thời tiết, nguy cơ bùng phát dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi vẫn tiềm ẩn, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu làm thay đổi điều kiện sinh trưởng và phát sinh dịch hại. Điều này không chỉ làm gia tăng chi phí phòng ngừa, kiểm soát mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất, chất lượng nông sản và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Trước những thách thức đó, Công ty luôn chủ động xây dựng các phương án ứng phó với thiên tai và phòng ngừa dịch bệnh theo định hướng và khuyến nghị của cơ quan quản lý nhà nước. Đồng thời, Công ty chú trọng kiểm soát chất lượng môi trường tại khu vực sản



xuất, hướng đến các giải pháp sản xuất thân thiện với môi trường. Việc giảm thiểu tối đa rủi ro từ thiên tai, dịch bệnh và bảo vệ hệ sinh thái luôn là mục tiêu xuyên suốt trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

6. Thành tích đạt được

Trong quá trình hơn 50 năm hình thành và phát triển, Công ty đã được phong tặng và khen thưởng những danh hiệu như sau:

- Huân chương lao động hạng III năm 1984, Huân chương lao động hạng II năm 1999, huân chương lao động hạng nhất năm 2004;
- Bằng khen tập thể cán bộ công nhân viên có thành tích xuất sắc năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ;
- Bằng khen về thành tích xuất khẩu năm 2001, và 2003 của Bộ Thương mại;
- Danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu có uy tín” và tặng cúp các năm 2004, 2005, 2006 của Bộ Thương mại;
- Danh hiệu “Bạn Nhà nông Việt Nam” năm 2005 và 2006 của Bộ Thương mại;
- Danh hiệu “Bông lúa vàng Việt Nam” năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam;
- Cờ thi đua tặng đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, đặc biệt tại các lĩnh vực trọng yếu như sản xuất, xuất khẩu nông sản và hóa mỹ phẩm, Công ty đã đối mặt với không ít thách thức. Trước tình hình đó, Công ty chủ động theo sát diễn biến thị trường để kịp thời đưa ra các giải pháp ứng phó linh hoạt, duy trì ổn định hoạt động.

Công ty kết hợp việc củng cố các thị trường truyền thống và tích cực mở rộng thị trường mới, đa dạng hóa kênh tiêu thụ trong và ngoài nước. Đồng thời, tập trung phát triển các ngành hàng chủ lực như FMCG, nước uống đóng chai và nông sản chế biến đóng lon. Thông qua việc tận dụng năng lực sản xuất, ứng dụng công nghệ hiện đại và hệ thống phân phối rộng khắp, Công ty không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường và tăng cường năng lực cạnh tranh.

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025, Công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt hơn 747 tỷ đồng, tăng 20,9% so với năm 2024. Tuy nhiên, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm từ 49,8 tỷ đồng năm 2024 xuống 13,5 tỷ đồng năm 2025, chênh lệch 72,95%. Bên cạnh đó, kết quả lợi nhuận sau thuế 2025 cũng chưa thực sự khả quan. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là do khoản lợi thế thương mại chưa được xử lý triệt để. Mặc dù còn nhiều khó khăn, Công ty vẫn sẽ tiếp tục nỗ lực khắc phục trong năm 2026 và duy trì ổn định tình hình sản xuất kinh doanh cũng như tình hình tài chính nhằm đạt các chỉ tiêu kế hoạch mới của năm 2026.



Đơn vị: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2025 | Năm 2024 | Chênh lệch (%) |
|---|-------------------|-------------------|----------------|
| - Tổng giá trị tài sản | 3.554.541.008.308 | 2.940.095.500.709 | 20,90 |
| - Doanh thu thuần | 747.410.915.336 | 627.336.630.841 | 19,14 |
| - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 16.387.853.929 | 46.883.905.557 | -65,05 |
| - Lợi nhuận trước thuế | 13.468.983.522 | 49.792.622.049 | -72,95 |
| - Lợi nhuận sau thuế | -4.207.726.131 | 30.022.268.816 | -114,02 |
| - Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | - | - | - |
| - Tỷ lệ cổ tức | - | - | - |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025

Năm 2025, TSC tiếp tục hoàn thiện quá trình tái cơ cấu tại các Công ty thành viên, tập trung vào chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu, nhằm tạo đà cho giai đoạn tăng trưởng cao hơn với nhiều dự án trọng tâm.

(1) Đối với lĩnh vực FMCG: Tiếp tục ghi nhận nhiều kết quả tích cực trong hoạt động phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường và đổi mới sản phẩm.

Đối với Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (Vikoda), doanh nghiệp đã đẩy mạnh hoạt động truyền thông thương hiệu và nâng cao nhận diện sản phẩm trên thị trường. Trong năm, thương hiệu Vikoda được vinh danh trong Top 10 Thương hiệu mạnh Quốc gia 2025 và tiếp tục nhận danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao, qua đó khẳng định uy tín và vị thế của thương hiệu nước khoáng kiềm thiên nhiên trên thị trường Việt Nam.

Bên cạnh đó, Vikoda cũng tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nhằm mở rộng cơ hội phát triển sản phẩm và thị trường tiêu thụ, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng khả năng tiếp cận các thị trường quốc tế.

Đối với Công ty Cổ phần FIT Cosmetics (công ty liên kết của TSC), hoạt động kinh doanh trong năm tiếp tục tập trung vào phát triển các dòng sản phẩm chăm sóc gia đình theo xu hướng thân thiện với môi trường và an toàn cho người tiêu dùng. Công ty cũng tăng cường hoạt động marketing trên các nền tảng thương mại điện tử và mạng xã hội nhằm nâng cao hiệu quả bán hàng và nhận diện thương hiệu.

Nhìn chung, lĩnh vực FMCG trong năm 2025 đã duy trì được đà phát triển ổn định, từng bước củng cố vị thế thương hiệu, mở rộng kênh phân phối và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

(2) Đối với lĩnh vực chế biến thực phẩm:

Năm 2025 đánh dấu bước tiến quan trọng trong lĩnh vực chế biến thực phẩm với việc khánh thành Nhà máy chế biến nông sản WestFood Hậu Giang, một trong những dự án đầu tư trọng điểm của Công ty. Nhà máy được xây dựng trên diện tích khoảng 7 ha, với tổng vốn đầu tư hơn 666 tỷ đồng và công suất thiết kế khoảng 30.000 tấn thành phẩm mỗi năm, được trang bị dây chuyền công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn châu Âu.

Việc đưa nhà máy vào hoạt động không chỉ giúp nâng cao đáng kể năng lực chế biến nông



sản của Công ty mà còn tạo điều kiện mở rộng các dòng sản phẩm chế biến sâu như rau quả đông lạnh, trái cây đóng hộp và các sản phẩm xuất khẩu giá trị gia tăng. Đồng thời, dự án cũng góp phần thúc đẩy phát triển chuỗi liên kết sản xuất – chế biến – tiêu thụ nông sản, tạo việc làm cho người lao động địa phương và nâng cao giá trị nông sản vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Bên cạnh việc mở rộng năng lực sản xuất, Công ty tiếp tục chú trọng phát triển vùng nguyên liệu và xây dựng chuỗi cung ứng bền vững, qua đó đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định và đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu. Những bước tiến này đã góp phần củng cố vị thế của Công ty trong lĩnh vực chế biến nông sản và tạo nền tảng cho tăng trưởng trong các năm tiếp theo.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2025 | Kế hoạch | Tỷ lệ thực hiện (%) |
|-----|--|----------|----------|---------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 755.612 | 939.502 | 80,43 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | - 4.208 | 49.356 | - 8,53 |

Trước những thách thức của nền kinh tế nói chung và đối với các doanh nghiệp sản xuất nói riêng, Công ty cũng chịu ảnh hưởng đáng kể. Mặc dù doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đã đạt trên 80% kế hoạch đặt ra nhưng lợi nhuận sau thuế lại ghi nhận con số chưa khả quan, cho thấy rằng sang năm 2026, TSC và toàn thể các công ty trong hệ thống cần phải nỗ lực hơn nữa để kiểm soát chi phí chặt chẽ, nâng cao hiệu suất sản xuất kết hợp với đổi mới sản phẩm. Từ đó Công ty khắc phục tình trạng này và tiếp tục tăng trưởng lợi nhuận như kỳ vọng.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

| STT | Họ và tên | Chức danh |
|-----------|--------------------------|----------------|
| I | Ban Tổng giám đốc | |
| 1 | Võ Thị Hồng Thắm | Tổng Giám đốc |
| II | Kế toán trưởng | |
| 1 | Lê Thị Thương | Kế toán trưởng |

❖ Bà Võ Thị Hồng Thắm - Tổng giám đốc

Họ và tên : **VÕ THỊ HỒNG THẨM**
 Giới tính : Nữ
 Ngày tháng năm sinh :
 Nơi sinh : Tỉnh Vĩnh Long
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : Cử nhân Đại học



Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh và Cử nhân ngoại ngữ chuyên ngành Anh Văn

Quá trình công tác và các chức vụ đang nắm giữ:

- Từ 11/1997 đến nay : Giám đốc Hành chính nhân sự - Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long

- Từ 09/2022 đến nay : Tổng Giám đốc – Công ty CP Vật tư kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

- Từ 04/2023 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị – Công ty CP Vật tư kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện: : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

❖ Bà Lê Thị Thương - Kế toán trưởng

Họ và tên : **LÊ THỊ THƯƠNG**

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh :

Nơi sinh : Thanh Hóa

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ văn hóa : Cử nhân Đại học

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán

Quá trình công tác và các chức vụ đang nắm giữ:

- Từ 10/2015 đến 04/2017 : Kế toán tại Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt

- Từ 05/2017 đến 02/2020 : Kế toán tại Công ty TNHH Tập đoàn IMM

- Từ 05/2022 đến 04/2024 và từ 25/4/2025 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long;

- Từ 2023 đến 08/2024 : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Giống cây trồng Nông Tín

- Từ 07/2020 đến nay : Chuyên viên Ban Kế toán tại Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T

- Từ 05/2022 đến nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần FIT Consumer; Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte;

Kế toán trưởng tại Công ty CP Vật tư kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ;

- Từ 08/2024 đến nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Giống cây trồng Nông Tín Kế toán trưởng Công ty cổ phần Hạt giống TSC

- Từ 05/2025 đến nay : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Benovas

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện: : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có.



2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

2.3.1. Số lượng cán bộ, nhân viên

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của doanh nghiệp nên TSC luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

- Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các Công ty thành viên tại thời điểm 31/12/2025 là 787 người.
- Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2025 là 04 người, cụ thể như sau:

Cơ cấu nhân sự của TSC tại thời điểm 31/12/2025

| STT | Cơ cấu lao động | Tổng số nhân viên tại thời điểm 31/12/2025 |
|------------|--|--|
| I | Phân theo giới tính | 4 |
| 1 | Nam | 1 |
| 2 | Nữ | 3 |
| II | Phân theo trình độ học vấn | 4 |
| 1 | Trình độ trên Đại học | 0 |
| 2 | Trình độ Đại học | 4 |
| 3 | Đối tượng khác | 0 |
| III | Phân theo lao động thường xuyên/thời vụ | 4 |
| 1 | Lao động thường xuyên | 4 |
| 2 | Lao động thời vụ | 0 |

2.3.2. Chính sách đối với người lao động

▪ Chế độ làm việc

- Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày, 05 ngày/tuần. Ngoài ra, khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, TSC có thể yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, đồng thời thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước;
- Tất cả nhân viên đều được nghỉ phép năm theo chế độ hiện hành của nhà nước và được xét lên lương khi đến kỳ hạn hoặc có thành tích xuất sắc;
- Công ty cung cấp đầy đủ trang thiết bị làm việc cho nhân viên. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

▪ Chính sách lương thưởng và phúc lợi

- Tất cả nhân viên của Công ty đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định. Quy chế tiền lương, tiền thưởng được xây dựng theo hướng mở, linh hoạt, phản ánh đúng kết quả làm việc của người lao động.



- Vào các dịp lễ, tết, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty có chính sách thưởng thêm cho nhân viên để ghi nhận công sức đóng góp và khuyến khích người lao động. Ngoài ra, hàng năm Công ty trích một phần lợi nhuận để giúp đỡ những cán bộ công nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn và có các chế độ ưu đãi về nhà ở cho tất cả nhân viên Công ty.
- Về quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động: hiện nay Công ty không có quy chế chung. Tuy nhiên, theo từng lần, Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị sẽ có quy chế cụ thể cho việc phát hành.

▪ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

- Hàng năm, các bộ phận trong Công ty xây dựng kế hoạch tuyển dụng trên cơ sở xác định rõ chức danh, số lượng nhân sự cần tuyển và thời điểm tuyển dụng phù hợp. Bên cạnh kế hoạch định kỳ, trong trường hợp phát sinh nhu cầu nhân sự đột xuất do yêu cầu công việc, biến động nhân sự (nghỉ việc, điều chuyển, thăng chức), các bộ phận chủ động đề xuất và triển khai kế hoạch tuyển dụng bổ sung nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn.
- Trong năm 2025, Công ty đã triển khai xây dựng khung năng lực cho các vị trí tại Công ty mẹ, đồng thời tổ chức đào tạo nhằm hướng dẫn người lao động xây dựng lộ trình phát triển cá nhân gắn với định hướng phát triển chung của Công ty.
- Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực được xây dựng trên cơ sở bám sát tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, đảm bảo đáp ứng nhu cầu nhân sự trong từng giai đoạn và phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty. Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh hàng năm, Phòng Hành chính – Nhân sự có trách nhiệm xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch đào tạo, trình Ban Giám đốc xem xét, phê duyệt.
- Kế hoạch đào tạo được xây dựng không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại mà còn có tính dự báo, định hướng phát triển nguồn nhân lực trong tương lai, giúp Công ty chủ động trong việc chuẩn bị và điều chỉnh nguồn lực. Đồng thời, Công ty chú trọng phát triển dài hạn thông qua việc bồi dưỡng các kỹ năng mới phù hợp với xu hướng công nghệ và yêu cầu của ngành nghề. Bên cạnh các chương trình đào tạo nội bộ, Công ty tạo điều kiện để người lao động tham gia các chương trình đào tạo bên ngoài nhằm nâng cao năng lực, góp phần xây dựng đội ngũ nhân sự có khả năng thích ứng cao và đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2025, TSC tiếp tục thực hiện dự án thông qua các Công ty con, cụ thể như sau: Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang (MST: 6300265343 – Công ty con của Công ty) tiếp tục triển khai Dự án đầu tư Tổ hợp Nhà máy Chế biến Nông sản Thực phẩm Hậu Giang trên diện tích đất 7ha tại KCN Sông Hậu, xã Châu Thành, Tp. Cần Thơ. Theo đó:

- Tổng mức đầu tư dự án: **666.000.000.000 VND.**
- Mục tiêu dự án: Nông sản chế biến các loại dưới dạng IQF, đóng túi, đóng lon, đóng hộp với nhiều kích cỡ khác nhau, nông sản sấy khô, nông sản tươi, nước ép, nông sản sấy thăng hoa.
- Quy mô công suất: 150 tấn thành phẩm/năm (giai đoạn 1: 90 tấn/ năm; giai đoạn 2: 150



tấn/ năm).

Ngày 26/9/2025, Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang chính thức khánh thành Nhà máy Chế biến Nông sản Thực phẩm Hậu Giang (Nhà máy Westfood Hậu Giang). Nhà máy được trang bị dây chuyền công nghệ tiên tiến hàng đầu theo tiêu chuẩn châu Âu, bao gồm hệ thống máy cấp đông nhanh IQF; hệ thống băng tải 3 tầng kết nối tự động; máy gọt vỏ và cắt trái cây tự động; dây chuyền sản xuất trái cây đóng hộp và ly tự động; kho lạnh, kho mát có sức chứa lên tới 3.000 tấn.

Hiện nay, Westfood đang thực hiện công tác mời thầu đối với các hạng mục lắp đặt hoàn thiện cơ sở vật chất, dây chuyền sản xuất,...

3.2. Các Công ty con, Công ty liên kết

Tình hình đầu tư của Công ty tại một số Công ty con như sau:

❖ Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây (Công ty con)

Tình hình tài chính của Westfood năm 2024 – 2025 như sau:

Đơn vị: đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2025 | Năm 2024 | % tăng/giảm |
|-----|---|-----------------|-----------------|----------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 555.221.184.327 | 412.817.615.456 | 34,50 |
| 2 | Lợi nhuận gộp | 106.802.954.681 | 91.769.989.935 | 16,38 |
| 3 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 25.951.387.899 | 44.441.723.351 | -41,61 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 26.742.427.291 | 44.489.238.711 | -39,89 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | 19.505.496.471 | 37.626.083.278 | -48,16 |

Kết thúc năm tài chính 2025, các chỉ tiêu lợi nhuận kinh doanh của Westfood phần lớn giảm so với năm 2024. Doanh thu thuần tăng trên 34% và lợi nhuận sau thuế lãi gần 20 tỷ đồng nhưng vẫn giảm đáng kể so với năm 2024 .

❖ Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hoà (Công ty con cấp 2)

Tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hoà năm 2024 - 2025 như sau:

Đơn vị: đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2025 | Năm 2024 | % tăng/giảm |
|-----|---|-----------------|-----------------|----------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 249.353.957.407 | 214.519.015.385 | 16,24 |
| 2 | Lợi nhuận gộp | 60.463.858.429 | 49.660.176.391 | 21,76 |
| 3 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 17.712.778.715 | 18.915.932.015 | -6,36 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 19.202.912.769 | 21.857.400.737 | -12,14 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | 15.203.885.701 | 17.406.438.296 | -12,65 |

Năm 2025, Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hoà ghi nhận tăng doanh thu thuần so



với năm 2024 nhưng các chỉ tiêu lợi nhuận đều có xu hướng giảm nhẹ. Qua đó cho thấy một năm hoạt động sản xuất, kinh doanh thực sự khó khăn đối với các công ty con chủ lực của TSC.

4. Tình hình tài chính

4.1. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh giai đoạn năm 2023 - 2025 của Công ty hợp nhất:

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | % tăng/giảm (2024-2023) | Năm 2025 | % tăng/giảm (2025-2024) |
|---|-----------|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 2.974.588 | 2.940.096 | -1,16 | 3.554.541 | 20,90 |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 477.534 | 628.702 | 31,66 | 755.612 | 20,19 |
| Doanh thu thuần | 474.906 | 627.337 | 32,10 | 747.411 | 19,14 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 6.818 | 46.884 | 587,69 | 16.388 | -65,05 |
| Lợi nhuận khác | 568 | 2.909 | 412,26 | -2.919 | -200,35 |
| Lợi nhuận trước thuế | 7.385 | 49.793 | 574,20 | 13.469 | -72,95 |
| Lợi nhuận sau thuế | -11.200 | 30.022 | 368,05 | -4.208 | -114,02 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | - | - | - | - | - |

4.2. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh trong giai đoạn năm 2023 - 2025 của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | % tăng/giảm (2024-2023) | Năm 2025 | % tăng/giảm (2025-2024) |
|---|-----------|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 2.528.882 | 2.260.782 | -10,60 | 2.741.813 | 21,28 |
| Doanh thu thuần | 207 | 108 | -47,83 | 108 | - |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 52.368 | 42.229 | -19,36 | 34.699 | -17,83 |
| Lợi nhuận khác | 546 | -14 | -102,56 | 23 | 262,54 |
| Lợi nhuận trước thuế | 52.914 | 42.215 | -20,22 | 34.722 | -17,75 |
| Lợi nhuận sau thuế | 42.293 | 33.854 | -19,95 | 27.711 | -18,15 |

4.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | Năm 2025 | Năm 2024 | % tăng/giảm |
|------------------------------------|----------|----------|-------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |



| | | | |
|--|--------|-------|---------|
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | 2,025 | 4,990 | -59,41 |
| + Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | 1,885 | 4,769 | -60,47 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,297 | 0,162 | 82,94 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,422 | 0,193 | 117,91 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 6,638 | 7,292 | -8,96 |
| Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân | 0,230 | 0,212 | 8,50 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | -0,006 | 0,048 | -111,76 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | -0,002 | 0,012 | -113,81 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | -0,001 | 0,010 | -111,59 |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,022 | 0,075 | -70,66 |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần: **196.858.925** cổ phần;

Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông;

Số lượng cổ phần chuyên nhượng tự do: **196.858.925** cổ phần;

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyên nhượng: **0** cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 16/03/2026

| S T T | Đối tượng | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông | |
|-------------|-------------------|-------------------|------------------|------------------|----------------|---------|
| | | | | | Tổ chức | Cá nhân |
| 1 | Cổ đông Nhà nước | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Cổ đông sáng lập: | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | - Trong nước | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | - Nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Cổ đông lớn: | 80.857.223 | 41,07% | 1 | 1 | 0 |
| | - Trong nước | 80.857.223 | 41,07% | 1 | 1 | 0 |



| S T T | Đối tượng | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông | |
|-------------------------------|--|----------------------|---------------------|---------------------|----------------|---------|
| | | | | | Tổ chức | Cá nhân |
| | - Nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Công đoàn Công ty: | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | - Trong nước | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | - Nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Cổ đông khác: | 116.001.702 | 58,93% | 7.923 | 14 | 7.909 |
| | - Trong nước | 115.727.741 | 58,79% | 7.882 | 10 | 7.872 |
| | - Nước ngoài | 273.961 | 0,14% | 41 | 4 | 37 |
| TỔNG CỘNG: | | 196.858.925 | 100% | 7.924 | 15 | 7.909 |
| Trong đó: - Trong nước | | 196.584.964 | 99,86% | 7.883 | 11 | 7.872 |
| - Nước ngoài | | 273.961 | 0,14% | 41 | 4 | 37 |

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ được thành lập với hình thức Công ty cổ phần từ năm 2003 với vốn điều lệ ban đầu là 60 tỷ đồng. Từ đó đến nay, Công ty đã có các lần tăng vốn như sau:

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



| STT | Thời điểm tăng vốn | Vốn điều lệ | Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng) | Hình thức tăng vốn | Đơn vị cấp |
|-----|--------------------|--|---------------------------------|--|--|
| 1 | Tháng 4/2007 | Từ 60 tỷ đồng lên 83,129 tỷ đồng | 23,129 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu, từ phần thuế thu nhập được miễn giảm và phát hành cho cổ đông hiện hữu. | - Nghị quyết ĐHĐCĐ; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. |
| 2 | Tháng 8/2014 | Từ 83,129 tỷ đồng lên 158,129 tỷ đồng | 75,000 | Phát hành cho cổ đông chiến lược: - Đối tượng phát hành: Cổ đông chiến lược; - Số lượng phát hành: 7.500.000 cổ phiếu; - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu. | - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 24/NQ.CPVTKTNN ngày 27/06/2014; - Công văn số 4087/UBCK-QLPH của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 15/7/2014; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 thay đổi lần thứ 09 ngày 02/12/2014. |
| 3 | Tháng 5/2015 | Từ 158,129 tỷ đồng lên 271,982 tỷ đồng | 113,853 | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011: - Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu; - Số lượng cổ phiếu: 1.106.903 cổ phiếu; - Tỷ lệ chi trả: 7%. ▪ Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu: - Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu; - Số lượng phát hành: 9.487.749 cổ phiếu; - Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:60 (cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 60 cổ phiếu mới). ▪ Phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: Đối tượng phát hành: người lao động trong Công ty; - Số lượng phát hành: 790.645 cổ phiếu; - Giá phát hành: 10.000 đồng/CP. | - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 24/NQ.CPVTKTNN ngày 27/06/2014; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 09/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 02/03/2015; - Báo cáo kết quả phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu số 67/BC.CPVTKTNN ngày 08/04/2015; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty số 66/BC.CPVTKTNN ngày 08/04/2015; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 65/BC.CPVTKTNN ngày 08/04/2015; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 thay đổi lần thứ 10 ngày 27/05/2015. |
| 4 | Tháng 5/2015 | Từ 271,982 tỷ đồng lên 738,240 tỷ đồng | 466,258 | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Chào bán cho cổ đông hiện hữu: - Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu; - Số lượng cổ phiếu phát hành: 31.625.830 cổ | - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 24/NQ.CPVTKTNN ngày 27/06/2014; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 09/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp |



| STT | Thời điểm tăng vốn | Vốn điều lệ | Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng) | Hình thức tăng vốn | Đơn vị cấp |
|-----|--------------------|---|---------------------------------|---|---|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> phiếu; - Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu. - Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:2 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu cũ được quyền mua 2 cổ phiếu mới) ▪ Phát hành cho cổ đông chiến lược: - Đối tượng phát hành: Cổ đông chiến lược; - Số lượng phát hành: 15.000.000 cổ phiếu; - Giá phát hành: 12.500 đồng/cổ phiếu. | <ul style="list-style-type: none"> ngày 02/03/2015; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 100/BC.CPVTKTNN ngày 12/05/2015; - Công văn số 2037/UBCK-QLPH ngày 27/04/2015 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ của TSC; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 thay đổi lần thứ 10 ngày 27/05/2015. |
| 5 | 21/9/2015 | Từ 738,240 tỷ đồng lên 1.476,480 tỷ đồng | 738,240 | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: - Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu; - Số lượng phát hành: 73.824.042 cổ phiếu; - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu; - Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu cũ được quyền mua 1 cổ phiếu mới) | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần 2 số 49/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/11/2014; - Công văn số 40/GCN-UBCK ngày 26/6/2015 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng của TSC; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 thay đổi lần thứ 12 ngày 09/10/2015. |
| 6 | 11/05/2022 | Từ 1.476,480 tỷ đồng lên 1.968,59 tỷ đồng | 492,108 | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: - Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu; - Số lượng phát hành: 49.210.841 cổ phiếu; - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu; - Tỷ lệ thực hiện quyền: 3:1 (cổ đông sở hữu 3 cổ phiếu được quyền mua 1 cổ phiếu mới) | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2021; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 41/GCN-UBCK ngày 08/03/2022 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 thay đổi lần thứ 15 ngày 10/06/2022. |



5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

5.5. Các chứng khoán khác

Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường

6.1.1. *Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: khoảng 17.167 tCO₂*

6.1.2. *Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:*

- Trồng cây, duy trì và chăm sóc cây xanh khu vực nhà máy sản xuất. Năm 2025-2027, Vikoda trồng cây tạo cảnh quan khu vực mỏ khoáng phía nam nhà máy, diện tích 22 ha tại Khánh Hòa.
- Lắp đặt và sử dụng hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà.
- Loại bỏ xe nâng chạy dầu sang sử dụng xe nâng điện để giảm phát thải khí nhà kính.
- Loại bỏ xe đưa đón cũ có định mức tiêu hao nhiên liệu lớn; mua mới và sử dụng xe đưa đón CBCNV tiết kiệm nhiên liệu hơn.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

6.2.1. *Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: khoảng 19.268.110 kg.*

6.2.2. *Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:*

Tại Vikoda, vỏ chai thủy tinh và bình 19 Lit được thu hồi 100% và qua quy trình súc rửa đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm để tái sử dụng lại. Các bao bì cũ, không đạt chất lượng được phân loại và chuyển giao cho các nhà cung cấp, các tổ chức khác có chức năng tái chế dưới dạng phế liệu.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

6.3.1. *Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: khoảng 15.993.772 kW điện; 1.284.789 lít nhiên liệu (dầu, xăng, khí đốt,..)*

6.3.2. *Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.*

6.3.3. *Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): Lắp đặt và sử dụng hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà*

6.4. Tiêu thụ nước

6.4.1. *Nguồn cung cấp nước: Công ty cấp nước, mỏ nước khoáng thiên nhiên.*

6.4.2. *Lượng nước sử dụng: khoảng 204.642 m³.*

6.4.3. *Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.*

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:



Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chấp hành tốt công tác bảo vệ môi trường và thực hiện đầy đủ cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt như: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm, báo cáo tình hình xả nước thải vào nguồn nước, báo cáo chất thải nguy hại,...

- 6.5.1. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- 6.5.2. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

6.6.1. *Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động*

a. *Số lượng lao động*

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2025 là 04 người.

b. *Mức lương bình quân*

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|--|-----------|-----------|-----------|
| Mức lương bình quân (đồng/người/tháng) | 5.464.386 | 5.751.639 | 6.845.459 |

6.6.2. *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động*

a. *Các chính sách đối với người lao động*

- Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết, cởi mở và cạnh tranh lành mạnh, qua đó tạo điều kiện để người lao động phát huy tối đa năng lực, tính sáng tạo và nâng cao hiệu quả công việc. Công ty đảm bảo nguyên tắc gắn kết giữa trách nhiệm và quyền lợi, đồng thời áp dụng các chính sách đãi ngộ phù hợp như xét tăng lương định kỳ hoặc theo hiệu quả, thành tích công việc, góp phần tạo động lực và khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài. Bên cạnh đó, người lao động được đảm bảo các quyền lợi về nghỉ phép năm theo đúng quy định của pháp luật, góp phần cân bằng giữa công việc và cuộc sống.
- Đồng thời, Công ty tích cực thúc đẩy các hoạt động văn hóa doanh nghiệp, tăng cường sự gắn kết nội bộ thông qua việc tổ chức các chương trình teambuilding, hoạt động thiện nguyện và các câu lạc bộ nội bộ. Các hoạt động này không chỉ góp phần nâng cao tinh thần làm việc mà còn xây dựng tập thể đoàn kết, tạo nền tảng vững chắc cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển dài hạn của Công ty.

b. *Chính sách lương, thưởng và phúc lợi*

- Tất cả cán bộ, công nhân viên của Công ty đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định. Quy chế tiền lương, tiền thưởng được xây dựng theo hướng mở, linh hoạt, phản ánh đúng kết quả người lao động.
- Vào các dịp lễ, tết, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty có chính sách thưởng thêm cho nhân viên để ghi nhận công sức đóng góp và khuyến khích người lao động. Ngoài ra, hàng năm Công ty trích một phần lợi nhuận để giúp đỡ những cán bộ công nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn và có các chế độ ưu đãi về nhà ở cho tất cả nhân viên Công ty.
- Về quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động Công ty: Công ty không có quy chế chung.



Tuy nhiên, theo từng lần, Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị sẽ có quy chế cụ thể cho việc phát hành.

6.6.3. Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 08 giờ/năm;
- Bên cạnh các chính sách hiện hành, Công ty cũng chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm của nhân sự. Từ đó giúp nhân sự hiện tại phát triển toàn diện và đảm bảo sự chuẩn bị cho đội ngũ nhân sự kế cận. Công ty đặc biệt khuyến khích việc học hỏi liên tục thông qua các khóa học trực tuyến, hội thảo chuyên ngành, và chương trình mentoring giữa các nhân sự giàu kinh nghiệm và nhân viên trẻ.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Với định hướng phát triển bền vững gắn liền với trách nhiệm xã hội, trong năm 2025, các công ty thành viên, công ty liên kết tiếp tục triển khai nhiều hoạt động thiết thực hướng tới cộng đồng, qua đó lan tỏa giá trị nhân văn và khẳng định vai trò của doanh nghiệp đối với xã hội.

- Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (Vikoda) tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động vì cộng đồng gắn với lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và giáo dục. Trong năm 2025, doanh nghiệp đã tham gia tài trợ Hội thi Thiếu nhi kể chuyện sách với chủ đề “Tự hào mùa xuân đại thắng”, góp phần khuyến khích văn hóa đọc và nâng cao nhận thức phát triển toàn diện cho trẻ em. Đồng thời, Vikoda cũng đồng hành cùng Hội nghị Dinh dưỡng TP. Hồ Chí Minh mở rộng lần thứ XIII, qua đó góp phần lan tỏa các kiến thức khoa học về dinh dưỡng, nâng cao nhận thức cộng đồng về sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật. Bên cạnh đó, theo các thông tin công bố nội bộ, doanh nghiệp còn tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ người dân tại các khu vực chịu ảnh hưởng của thiên tai, thể hiện tinh thần sẻ chia và trách nhiệm xã hội.
- Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây (Westfood) tiếp tục duy trì các chương trình an sinh xã hội gắn với người lao động và cộng đồng địa phương. Song song với việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng tích cực trong năm 2025, Công ty vẫn chú trọng triển khai các hoạt động hỗ trợ người lao động, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, qua đó góp phần xây dựng môi trường làm việc ổn định, bền vững và có trách nhiệm với xã hội. Các chương trình hỗ trợ nhà ở, học bổng và hoạt động thiện nguyện tiếp tục được duy trì, thể hiện cam kết lâu dài của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.
- Công ty Cổ phần FIT Cosmetics trong năm 2025 tiếp tục định hướng phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, góp phần thúc đẩy xu hướng tiêu dùng xanh và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Theo các thông tin công bố, Công ty tập trung phát triển các dòng sản phẩm tẩy rửa sinh học và sản phẩm chăm sóc cá nhân an toàn, có nguồn gốc từ enzyme, qua đó góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và nâng cao chất lượng sống của cộng đồng. Đồng thời, doanh nghiệp tiếp tục tham gia các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về tiêu dùng bền vững và chăm sóc sức khỏe trong xã hội.

Thông qua các hoạt động trên, các công ty thành viên không chỉ thực hiện tốt trách nhiệm xã hội mà còn góp phần xây dựng hình ảnh doanh nghiệp phát triển bền vững, hài hòa giữa mục tiêu kinh doanh và lợi ích cộng đồng, hướng tới tạo lập giá trị lâu dài cho xã hội và các bên liên quan.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN



Trong năm qua, Công ty chưa tham gia vào thị trường vốn xanh.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Thuận lợi

Trước hết, nền kinh tế năm 2025 duy trì đà phục hồi, nhu cầu tiêu dùng nội địa có xu hướng tăng, đặc biệt đối với các sản phẩm thiết yếu như nước uống đóng chai, thực phẩm chế biến và sản phẩm chăm sóc cá nhân. Xu hướng tiêu dùng hướng đến các sản phẩm an toàn, có nguồn gốc rõ ràng, thân thiện với môi trường tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc mở rộng thị phần.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp tiếp tục nhận được sự hỗ trợ và định hướng chiến lược từ Công ty mẹ và Hội đồng quản trị, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, đặc biệt trong bối cảnh đầy thách thức chuyển đổi số và chuẩn hóa hệ thống quản lý. Việc ứng dụng công nghệ trong sản xuất và quản lý chuỗi cung ứng giúp tối ưu chi phí, nâng cao năng suất và kiểm soát chất lượng sản phẩm.

Ngoài ra, hệ thống nhà máy, dây chuyền sản xuất của các doanh nghiệp đã được đầu tư nâng cấp theo hướng hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng ngày càng cao. Lực lượng lao động ổn định, có tay nghề và kinh nghiệm cũng là một lợi thế quan trọng, giúp doanh nghiệp duy trì hoạt động sản xuất liên tục và hiệu quả.

Đối với từng lĩnh vực, các yếu tố thuận lợi còn thể hiện rõ nét như: Nhu cầu tiêu thụ nước đóng chai tăng cao do ý thức về sức khỏe và an toàn thực phẩm ngày càng được nâng cao; Thị trường xuất khẩu thực phẩm chế biến, đặc biệt là trái cây đóng hộp, tiếp tục phục hồi tại các thị trường truyền thống; Ngành hàng hóa mỹ phẩm tiêu dùng nhanh hưởng lợi từ xu hướng tiêu dùng thường xuyên, ổn định và ít chịu tác động của chu kỳ kinh tế.

1.2. Khó khăn

Bên cạnh các thuận lợi, trong năm 2025, TSC và các công ty trong hệ thống cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Chi phí đầu vào có xu hướng biến động, bao gồm giá nguyên vật liệu, bao bì, chi phí vận chuyển và năng lượng, gây áp lực lên biên lợi nhuận của doanh nghiệp. Đối với ngành nước khoáng và nước uống đóng chai, chi phí khai thác, xử lý nước và logistics phân phối tiếp tục gia tăng. Trong khi đó, ngành chế biến thực phẩm chịu ảnh hưởng từ biến động nguồn cung nguyên liệu nông sản theo mùa vụ và điều kiện thời tiết.

Bên cạnh đó, áp lực cạnh tranh trong các ngành hàng ngày càng gia tăng, đặc biệt từ các thương hiệu lớn trong và ngoài nước, cũng như các sản phẩm thay thế. Ngành hàng hóa mỹ phẩm tiêu dùng nhanh đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ về giá, thương hiệu và hệ thống phân phối, đòi hỏi doanh nghiệp phải liên tục đổi mới sản phẩm và chiến lược marketing.

Ngoài ra, các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ngày càng khắt khe, đặc biệt tại các thị trường xuất khẩu, đặt ra yêu cầu cao hơn trong việc đầu tư công nghệ, cải tiến quy trình và tuân thủ pháp lý.

1.3. Những tiến bộ đã đạt được

Công ty đã cố gắng duy trì và phát triển vững chắc các thị trường chiến lược, thị trường truyền thống, đồng thời mở rộng và đa dạng hóa thị trường tiêu thụ cả trong và ngoài nước. Cụ thể:



- 1.3.1. Về lĩnh vực kinh doanh nước uống, **Vikoda** tiếp tục khẳng định vị thế thương hiệu và cam kết với sức khỏe cộng đồng thông qua nhiều hoạt động nổi bật như: Được vinh danh trong Top 10 Thương hiệu mạnh Quốc gia năm 2025, ghi nhận chất lượng sản phẩm và uy tín trên thị trường nước uống đóng chai tại Việt Nam; Đồng hành với các hội nghị khoa học uy tín trên toàn quốc với vai trò nhà tài trợ kim cương và đối tác chiến lược, trong đó có Hội nghị Khoa học Dinh dưỡng Toàn quốc và Hội nghị Dinh dưỡng TP. Hồ Chí Minh mở rộng lần thứ XIII năm 2025, góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về dinh dưỡng và lợi ích của nước khoáng kiềm thiên nhiên trong chăm sóc sức khỏe; Tổ chức thành công Hội nghị Nhà phân phối 2025 – “Bật thành công, Nâng tầm cao mới”, tri ân đối tác, tổng kết kết quả kinh doanh và định hướng phát triển thương hiệu trong năm, qua đó mở rộng mạng lưới phân phối và hướng tới những mục tiêu tăng trưởng bền vững trong tương lai.
- 1.3.2. Về lĩnh vực hóa mỹ phẩm: Trong cuối năm 2025, các nhãn hàng của **FIT Cosmetics** đạt kết quả tích cực về doanh thu và truyền thông chủ yếu nhờ hoạt động trên các nền tảng thương mại điện tử như Shopee và TikTok, cùng với các chiến dịch Marketing Affiliate và livestream do Tập đoàn cùng FIT Cosmetics tự sản xuất hoặc phối hợp với các KOL/KOC có sức ảnh hưởng lớn, góp phần gia tăng nhận diện thương hiệu và thúc đẩy doanh số bán hàng trực tuyến.
- 1.3.3. Về lĩnh vực chế biến và xuất khẩu nông sản, Trong năm 2025, **Westfood** ghi nhận nhiều dấu ấn quan trọng trong hành trình phát triển và mở rộng quy mô hoạt động. Công ty đã chính thức khánh thành và đưa vào vận hành Nhà máy WestFood Hậu Giang với tổng vốn đầu tư lớn, góp phần nâng cao đáng kể công suất chế biến và khả năng đáp ứng các đơn hàng xuất khẩu quy mô lớn. Bên cạnh đó, WestFood tiếp tục đẩy mạnh chiến lược mở rộng thị trường quốc tế, duy trì các tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt và tối ưu hóa chuỗi cung ứng nhằm gia tăng giá trị sản phẩm nông sản Việt Nam. Các hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia hội chợ triển lãm chuyên ngành trong và ngoài nước cùng định hướng đầu tư công nghệ hiện đại đã tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng bền vững, củng cố vị thế của Công ty trong lĩnh vực chế biến rau quả xuất khẩu.

2. Tình hình tài chính

Tính tới thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty xấp xỉ 3.555 tỷ đồng, tăng 17,29% so với thời điểm cuối năm 2024 nhưng nợ phải trả tăng cao khoảng 55%. Đây chính là một trong những thách thức cần khắc phục trong năm 2026. Bên cạnh đó, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cũng có sự tăng nhẹ.

Cơ cấu vốn kinh doanh của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2025 | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|----------------|------------|------------|------------|
| Tổng tài sản | 3.554.541 | 2.940.096 | 2.974.588 |
| Nợ phải trả | 1.054.237 | 476.665 | 488.227 |
| Vốn chủ sở hữu | 2.500.304 | 2.463.431 | 2.486.361 |
| Vốn điều lệ | 1.968.589 | 1.968.589 | 1.968.589 |

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty thực hiện rà soát, đánh giá các chính sách nội bộ hiện hành cũng như công tác quản lý mọi hoạt động của Công Ty từ cấp Ban Lãnh đạo cho tới các Ban, Bộ phận. Về mặt quản lý, Công ty đặt ra các mục tiêu cụ thể và đưa ra các tiêu chí rõ ràng cho từng vị trí quản lý hay



cấp nhân viên để phục vụ việc đánh giá hiệu quả quản lý, ghi nhận thành tích cũng như cải thiện những bất cập, thiếu sót. Trong đó, việc thực hiện chương trình số hóa về quản trị là một trong những điểm cải tiến trong công tác quản lý doanh nghiệp nói chung mà Công ty đã triển khai.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- 4.1. *Đối với lĩnh vực nông sản, thực phẩm:* **Westfood** tiếp tục tận dụng tối đa lợi thế từ nguồn trái cây miền Tây, kết hợp công nghệ chế biến hiện đại đạt chuẩn châu Âu, mở rộng cơ hội thị trường và nhận được sự hỗ trợ tích cực từ chính quyền, đặc biệt sau sự kiện khánh thành Nhà máy Westfood Hậu Giang vào ngày 26/9/2025. Westfood sẽ tiếp tục gia tăng năng lực sản xuất, đáp ứng các đơn hàng lớn từ đối tác quốc tế và duy trì hoạt động kinh doanh bền vững. Song song với đó, Westfood đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong nước thông qua các công ty con. Bên cạnh hoạt động sản xuất, Công ty cam kết bảo vệ môi trường, tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn an toàn lao động và giữ vững mục tiêu nâng tầm giá trị nông sản Việt trên thị trường quốc tế.
- 4.2. *Đối với lĩnh vực hàng tiêu dùng:* **FIT Cosmetics** duy trì các sản phẩm theo xu hướng “tiêu dùng xanh” hiện nay. Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thông qua các kênh bán hàng đa dạng với hình thức như livestream, sale online. Bên cạnh đó, các hoạt động truyền thông về trách nhiệm môi trường cũng luôn gắn liền với từng sản phẩm để nâng cao giá trị thương hiệu và thu hút người tiêu dùng.
- 4.3. *Với mảng sản xuất nước uống đóng chai,* trong năm 2025, Vikoda đã có nhiều hoạt động nhằm tăng độ nhận diện tại thị trường khu vực miền Bắc. Sang 2026, **Vikoda** tiếp tục không ngừng mở rộng hệ thống phân phối trên toàn quốc, cải thiện và đa dạng hóa các dòng sản phẩm, đẩy mạnh hoạt động thương hiệu, mở rộng kênh phân phối và tệp khách hàng để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường nước uống đóng chai.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

5.1.1. Tác động lên môi trường:

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến nông sản và hóa mỹ phẩm, Công ty có những tác động nhất định đến môi trường, đặc biệt là lượng phát thải khí nhà kính phát sinh trong quá trình sản xuất và vận hành, góp phần vào hiệu ứng nhà kính và biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh năm 2025, khi các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường ngày càng được siết chặt và các tác động của biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, công tác kiểm soát khí thải và chất thải tiếp tục là một trong những thách thức trọng yếu đối với Công ty.

Nguồn phát thải khí nhà kính của Công ty không chỉ phát sinh từ hoạt động sản xuất tại các nhà máy mà còn đến từ các hoạt động gián tiếp như tiêu thụ điện năng, nước, in ấn, vận chuyển và xử lý chất thải tại khối văn phòng. Trong hoạt động sản xuất, các nguồn phát thải chủ yếu bao gồm quá trình chế biến nguyên liệu, vận chuyển, bảo quản, đóng gói sản phẩm và xử lý nước thải. Trước thực tế đó, Công ty đã và đang triển khai nhiều giải pháp nhằm giảm thiểu tác động môi trường, bao gồm đầu tư, nâng cấp công nghệ và máy móc thiết bị theo hướng hiện đại, tiết kiệm năng lượng, qua đó tối ưu hóa quy trình sản xuất và giảm phát thải.

Bên cạnh đó, Công ty chú trọng thúc đẩy việc sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên và từng bước ưu tiên các nguyên vật liệu thân thiện với môi trường trong cả hoạt động



sản xuất và vận hành. Các biện pháp quản lý chất thải, kiểm soát phát thải được thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành, đồng thời tăng cường công tác giám sát nội bộ nhằm đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường.

Với định hướng phát triển bền vững, Ban Lãnh đạo Công ty xác định việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm xuyên suốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn thể cán bộ, nhân viên được nâng cao nhận thức và tuân thủ các quy định liên quan, hướng tới xây dựng mô hình doanh nghiệp xanh, giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái và đóng góp tích cực vào mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.

5.1.2. *Quản lý nguồn nguyên vật liệu*

Công ty cam kết sử dụng nguyên vật liệu có chất lượng cao thông qua việc áp dụng quy trình kiểm soát chặt chẽ từ khâu tiếp nhận, lưu kho đến bảo quản, nhằm đảm bảo chất lượng đầu vào và đáp ứng các tiêu chuẩn sản xuất. Các loại nguyên liệu, đặc biệt là nông sản và hóa chất, được bảo quản trong điều kiện phù hợp theo từng đặc tính, góp phần hạn chế hư hỏng, thất thoát và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Bên cạnh đó, Công ty không ngừng rà soát và cải tiến quy trình quản lý nguyên vật liệu theo hướng tối ưu hóa tỷ lệ sử dụng, nâng cao hiệu suất sản xuất và tiết giảm chi phí. Việc lựa chọn nhà cung cấp được thực hiện trên cơ sở các tiêu chí rõ ràng về chất lượng, uy tín và tính bền vững, qua đó góp phần đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định và hạn chế các rủi ro liên quan đến chất lượng đầu vào.

Đồng thời, Công ty khuyến khích cán bộ, nhân viên tham gia đóng góp sáng kiến trong việc cải tiến quy trình, sử dụng hiệu quả nguyên vật liệu và giảm thiểu lãng phí. Những nỗ lực này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn hướng tới mục tiêu phát triển sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường và bền vững trong dài hạn.

5.1.3. *Tiết kiệm năng lượng*

Công ty luôn chú trọng thực hành tiết kiệm năng lượng trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và vận hành. Tại các nhà máy, Công ty duy trì việc vận hành hiệu quả, đồng thời áp dụng các tiêu chuẩn kiểm soát chặt chẽ đối với mức tiêu thụ điện, nước và các nguồn năng lượng khác, qua đó góp phần tối ưu chi phí và nâng cao hiệu suất sử dụng tài nguyên.

Đối với các nguồn nhiên liệu như xăng, dầu sử dụng trong hoạt động vận chuyển và vận hành máy phát điện dự phòng, Công ty triển khai các biện pháp quản lý và tối ưu hóa nhằm giảm thiểu tiêu hao, kiểm soát chi phí và hạn chế phát thải ra môi trường. Các quy trình vận hành được rà soát, cải tiến định kỳ để đảm bảo sử dụng năng lượng hiệu quả và phù hợp với nhu cầu thực tế.

Công ty tích cực nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thông qua các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn nội bộ. Những nỗ lực này góp phần xây dựng môi trường làm việc bền vững, giảm thiểu tác động đến tài nguyên thiên nhiên và thể hiện cam kết của Công ty đối với mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.

5.1.4. *Tiết kiệm nước*

Công ty triển khai chính sách tiết kiệm nước tại tất cả các cơ sở làm việc, nhằm tối ưu hóa lượng nước sử dụng mà vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Các biện pháp kiểm soát và sử dụng nước được thực hiện đồng bộ, góp phần giảm thiểu lãng phí tài nguyên



và hạn chế tác động đến môi trường.

Nguồn nước của Công ty được sử dụng chủ yếu cho hoạt động sản xuất, vận hành nhà máy và sinh hoạt của người lao động, bao gồm nguồn cung từ các đơn vị cấp nước địa phương và nguồn nước khoáng tự nhiên. Trên cơ sở đó, Công ty áp dụng các quy trình quản lý chặt chẽ trong khai thác, sử dụng và giám sát tiêu thụ nước, nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Công ty chú trọng nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên về việc sử dụng nước tiết kiệm và có trách nhiệm thông qua các hoạt động tuyên truyền nội bộ. Những nỗ lực này góp phần thực hiện cam kết phát triển bền vững, bảo vệ tài nguyên nước và giảm thiểu tác động đến môi trường trong dài hạn.

5.1.5. Kiểm soát chất thải

TSC và các Công ty thành viên không chỉ tuân thủ quy định mà còn áp dụng các biện pháp xử lý chất thải toàn diện, góp phần bảo vệ môi trường bền vững.

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân, nhân viên được xử lý qua hầm tự hoại trước khi vào hệ thống chung của nhà máy, đảm bảo không gây ô nhiễm.

Khí thải từ nồi hơi, lò hơi đốt trấu và dầu (dự phòng) được lọc qua hệ thống hấp thụ nước và xút trước khi xả qua ống khói 15m, đạt chuẩn CQVN 19:2009/BTNMT. Chất thải rắn được quản lý theo quy định và chuyển giao cho đơn vị xử lý có thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn môi trường.

5.1.6. An toàn – sức khỏe – môi trường

Công ty không ghi nhận vụ mất cấp, gây rối trật tự, cháy nổ hay ngộ độc thực phẩm ảnh hưởng đến sản xuất. TSC và các cơ sở luôn duy trì trang thiết bị ứng cứu khẩn cấp trong trạng thái sẵn sàng, tổ chức diễn tập thường xuyên để đảm bảo phản ứng kịp thời. Công ty cũng thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên và tuân thủ quy định về phân loại, chuyển giao chất thải, thể hiện cam kết đối với an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường.

5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty luôn đảm bảo môi trường làm việc an toàn, thuận tiện và thực hiện đầy đủ các chính sách về lao động, tiền lương, bảo hiểm theo quy định pháp luật và quy chế nội bộ:

- Thực hiện quản lý tiền lương, phụ cấp theo đúng quy định, đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời. Trong năm 2025, Công ty không nợ BHXH, BHYT, BHTN.
- Tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, chi trả đúng quy định các khoản phụ cấp độc hại và bồi dưỡng hiện vật cho nhân viên làm việc trong môi trường nguy hiểm.
- Ngoài các chính sách về phúc lợi, Công ty quan tâm đến đời sống tinh thần của nhân viên thông qua hỗ trợ những trường hợp khó khăn, tổ chức giao lưu văn nghệ, hội thao nhằm tăng cường sự gắn kết và tạo môi trường làm việc tích cực. Đặc biệt, trong những đợt thiên tai, bão lũ tại miền Trung trong năm vừa qua, không chỉ TSC mà toàn hệ thống các công ty từ Tập đoàn F.I.T đều chung tay hỗ trợ các cán bộ, công nhân viên gặp khó khăn.

5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng, FIT Cosmetics tiếp tục triển khai các chương



trình hỗ trợ sản phẩm vệ sinh cá nhân thiết yếu cho các cán bộ công nhân viên miền Trung trong vùng lũ. Các sản phẩm như nước rửa tay, sản phẩm chăm sóc cá nhân được phân phối trong các chương trình thiện nguyện, góp phần nâng cao điều kiện vệ sinh và phòng ngừa dịch bệnh trong cộng đồng.

- Vikoda tiếp tục đồng hành cùng các chương trình sức khỏe và cộng đồng thông qua việc tài trợ nước uống cho các hội thảo dinh dưỡng, sự kiện y tế và hoạt động xã hội. Đồng thời, Công ty triển khai các chương trình nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, bao gồm hoạt động trồng cây và tuyên truyền sử dụng tài nguyên nước bền vững trong nội bộ và cộng đồng³.

Bên cạnh đó, Vikoda tiếp tục tham gia các hoạt động văn hóa – du lịch tại địa phương, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong các sự kiện quảng bá hình ảnh và đặc sản địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội.

- Westfood tiếp tục duy trì các chương trình an sinh xã hội gắn với người lao động và cộng đồng địa phương. Công ty chú trọng triển khai các hoạt động hỗ trợ người lao động, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, qua đó góp phần xây dựng môi trường làm việc ổn định, bền vững và có trách nhiệm với xã hội. Việc triển khai dự án Nhà máy Westfood Hậu Giang cũng đóng góp lớn cho thị trường lao động địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2025, Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) đã đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đúng nhiệm vụ, quyền hạn của HDQT theo quy định pháp luật và Điều lệ Công Ty, các Quy chế quản trị nội bộ trong việc chỉ đạo và giám sát thực hiện công tác điều hành cũng như các kế hoạch sản xuất kinh doanh. Từ đó, các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của HDQT được thực hiện đúng quy định từ việc tổ chức, biểu quyết thông qua và ban hành cũng như công tác công bố thông tin minh bạch đến cổ đông. Cụ thể:

- Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thành công, đúng quy định của pháp luật;
- Kiểm tra, đôn đốc Ban Tổng giám đốc thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý trong năm 2025; Chỉ đạo và giám sát việc lập và công bố thông tin các báo cáo tài chính định kỳ theo đúng quy định;
- HDQT đánh giá công tác công bố thông tin được thực hiện chính xác, đầy đủ, kịp thời và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;
- Lãnh đạo các phòng ban, đơn vị trực thuộc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn được giao. Tập thể cán bộ công nhân viên trong Công Ty luôn đoàn kết, cùng nhau cố gắng đạt được các chỉ tiêu được đặt ra. Thông qua các cuộc họp và báo cáo từ các công ty thành viên, HDQT đã sát sao theo dõi hoạt động của Ban Điều hành cũng như các công ty thành viên để kịp thời cho ý kiến chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặc dù kết quả kinh doanh năm 2025 chưa thực sự như kỳ vọng nhưng vẫn thể hiện sự đóng góp và nỗ lực của Ban Điều hành cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên.
- Thông qua các công ty thành viên, Công Ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quảng bá sản phẩm và tìm kiếm cơ hội hợp tác xuất khẩu thông qua các hội chợ và triển lãm. Bên cạnh đó, đối với hàng tiêu dùng nhanh, Công ty tiếp tục nghiên cứu và phát triển các loại sản phẩm chất



lượng, thân thiện với sức khỏe người tiêu dùng.

- Ngoài ra, việc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng gắn với trách nhiệm về môi trường. Công Ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường, tuân thủ tốt việc xử lý chất thải từ các nhà máy sản xuất và chất thải trong sinh hoạt. Các sản phẩm được tung ra thị trường cũng đảm bảo thân thiện với môi trường.

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Giám đốc Công ty**

- HĐQT thực hiện giám sát thường xuyên đối với hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc, nhằm đảm bảo việc triển khai các quyết định quản trị tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai hoạt động điều hành phù hợp với định hướng phát triển chung của Công ty.
- Tổng Giám đốc tuân thủ nghiêm túc Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và quy định pháp luật có liên quan; đồng thời chủ động cải tiến phương thức quản lý, rà soát và tối ưu hóa quy trình vận hành, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sản xuất kinh doanh.
- Tổng Giám đốc chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực, tập trung đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động; đồng thời áp dụng các biện pháp quản lý phù hợp nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động chung của Công ty và các đơn vị thành viên.
- Trong quá trình điều hành, Tổng Giám đốc thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất đối với HĐQT về tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính, tiến độ triển khai các dự án và các vấn đề trọng yếu phát sinh. Các báo cáo được lập kịp thời, đầy đủ và đảm bảo tính minh bạch, tạo cơ sở để Hội đồng Quản trị thực hiện chức năng giám sát và đưa ra các quyết định quản trị phù hợp.
- Tổng Giám đốc chủ động cung cấp thông tin, tài liệu và phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát trong quá trình kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty theo quy định.
- Việc thực hiện nghiêm túc trách nhiệm báo cáo và phối hợp trong công tác quản trị cho thấy Ban Điều hành đã cơ bản đáp ứng yêu cầu về minh bạch thông tin và tuân thủ quản trị doanh nghiệp. Qua đó góp phần hoàn thiện hệ thống quản trị, nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ và tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định, bền vững của Công ty trong dài hạn.

3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Năm 2026 dự kiến là một năm nhiều biến động về mặt kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế, và với tình hình kinh doanh năm 2025 vừa qua, TSC và các đơn vị thành viên sẽ tập trung và nỗ lực hơn nữa vào việc sản xuất, kinh doanh một cách ổn định, hiệu quả và đặc biệt thực hiện các biện pháp giảm thiểu tối ưu chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí vận hành doanh nghiệp. Công Ty sẽ tiếp tục củng cố hoạt động quản trị, vận hành đi kèm với công tác chuyển đổi số theo định hướng phát triển chung của Công ty mẹ là Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T. HĐQT sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trên cơ sở chỉ đạo, định hướng kết hợp với giám sát để bám sát và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026. Một số nhiệm vụ chính yếu như sau:

- Nâng cao năng lực quản trị, điều hành từ cấp lãnh đạo thông qua các buổi đào tạo nội bộ; Tăng cường chất lượng nguồn nhân lực, tinh chuyên nghiệp, và ý thức kỷ luật lao động của toàn bộ



cán bộ, nhân viên.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình hình tài chính (nguồn vay, phương án sử dụng, tình hình thanh toán, hoạt động hợp tác đầu tư,...); Rà soát, kiểm soát chi phí.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc đảm bảo an toàn lao động, công tác phòng chống cháy nổ; Duy trì vệ sinh môi trường tại các nhà máy.
- Đánh giá, theo dõi sát sao tình hình thực hiện dự án Nhà máy Westfood Hậu Giang theo tiêu chuẩn Châu Âu. Nhà máy đã chính thức được khánh thành vào tháng 9/2025.
- Theo dõi sát sao diễn biến thị trường, đưa ra các giải pháp linh hoạt và kịp thời ứng phó với những biến động kinh tế; Tập trung vào các lĩnh vực, ngành hàng mang lại hiệu quả cao.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông thương hiệu với sự đa dạng của các nhãn hiệu, các sản phẩm kết hợp với việc phát triển đa dạng các phương thức bán hàng hiện đại.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần | Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác | Công ty |
|-----|-----------------------------|---------------|----------------------|--|---|
| 1 | (Ông) Nguyễn Trọng Thanh | Chủ tịch HĐQT | 0% | Chủ tịch HĐQT | 1. CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ XANH GODA 2. CÔNG TY CỔ PHẦN FIT COMESTICS 3. CÔNG TY CỔ PHẦN GIỒNG CÂY TRỒNG NÔNG TÍN |
| | | | | Phó Giám đốc | CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ LIÊN KẾT TRUYỀN THÔNG |
| 2 | (Bà) Nguyễn Thị Minh Nguyệt | TV HĐQT | 0% | Phó chủ tịch HĐQT | CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T |
| | | | | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY |
| | | | | Chủ tịch HĐQT | CÔNG TY CỔ PHẦN WESTFOOD HẬU GIANG |
| 3 | (Ông) Lê Việt Cường | TV HĐQT | 0% | Kế toán trưởng | CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T |



| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần | Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác | Công ty |
|-----|-----------------------|----------------------------|----------------------|--|---|
| | | | | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính | CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY |
| | | | | Thành viên HĐQT | CÔNG TY CỔ PHẦN WESTFOOD HẬU GIANG |
| | | | | Chủ tịch HĐQT | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN CHARLOTTE |
| 4 | (Bà) Võ Thị Hồng Thắm | TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 0% | Giám đốc hành chính nhân sự | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG |
| 5 | (Bà) Cần Thị Bích | TV HĐQT độc lập | 0% | Không có | Không có |

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

1.3.1. Các cuộc họp HĐQT:

| STT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-----------------------------|--------------------------|-------------------|--|
| 1 | (Ông) Nguyễn Trọng Thanh | 07/07 | 100% | |
| 2 | (Bà) Nguyễn Thị Minh Nguyệt | 07/07 | 100% | |
| 3 | (Bà) Võ Thị Hồng Thắm | 07/07 | 100% | |
| 4 | (Ông) Lê Việt Cường | 07/07 | 100% | |
| 6 | (Bà) Cần Thị Bích | 06/07 | 86% | Bầu bổ sung theo Nghị quyết 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2025 |
| 7 | (Ông) Nguyễn Tuấn Tú | 01/07 | 14% | Đã miễn nhiệm theo Nghị quyết 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2025 |

1.3.2. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2025)

Số lượng cuộc họp của HĐQT trong năm 2025: 07



| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Kết quả cuộc họp |
|-----|---------------------------|------------|--|--|
| 1 | 01/2025/NQ-HĐQT | 13/02/2025 | Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 | Các nội dung trong cuộc họp được biểu quyết tán thành 100% |
| 2 | 02/2025/NQ-HĐQT | 19/05/2025 | Thông qua các giao dịch, hợp đồng phát sinh doanh thu, chi phí giữa Công Ty với các bên có liên quan | |
| 3 | 03/2025/NQ-HĐQT | 20/06/2025 | Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính và soát xét bán niên 2025 | |
| 4 | 04.1/2025/NQ-HĐQT | 24/07/2025 | Thông qua các giao dịch gửi tiền tại ngân hàng Indovia | |
| 5 | 04.2/2025/NQ-HĐQT | 24/07/2025 | Thông qua giao dịch gửi tiền tại ngân hàng ViettinBank | |
| 6 | 05/2025/NQ-HĐQT | 24/07/2025 | Thông qua giao dịch cấp tín dụng tại ngân hàng ViettinBank | |
| 7 | 06/2025/NQ-HĐQT | 15/10/2025 | Thông qua việc mua cổ phần để góp vốn thành lập doanh nghiệp khác | |
| 8 | 07/2025/NQ-HĐQT | 12/11/2025 | Thông qua việc mua cổ phần do Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây phát hành cho cổ đông hiện hữu | |

1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Trong năm 2025, Thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện chức năng giám sát, kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty. Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT Công ty cụ thể như sau:

- Hội đồng Quản trị đã thực hiện hoạt động quản trị Công ty phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ, đồng thời bảo đảm tính minh bạch và thận trọng trong các quyết định và giao dịch với các bên có liên quan.
- Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức đúng quy định; các nghị quyết và quyết định được ban hành trên cơ sở thảo luận, trao đổi đầy đủ giữa các thành viên. HĐQT bảo đảm sự tham gia tích cực và đóng góp ý kiến của các Thành viên HĐQT, qua đó nâng cao chất lượng trong quá trình ra quyết định.
- Công ty luôn tạo điều kiện cần thiết để Thành viên HĐQT độc lập thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định đối với công ty niêm yết. Các tài liệu, nội dung do Ban Tổng Giám đốc trình hoặc do Chủ tịch HĐQT đề xuất đều được chuẩn bị rõ ràng, minh bạch và cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ việc xem xét, đánh giá của HĐQT.
- HĐQT thực hiện công tác giám sát Ban Điều hành một cách thường xuyên và nghiêm túc, đồng thời duy trì sự phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát và Ban Điều hành nhằm bảo đảm tuân thủ pháp luật, nâng cao hiệu quả quản trị và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Trong quá trình hoạt động, HĐQT cũng đưa ra các chỉ đạo và định hướng kịp thời, linh hoạt phù hợp với tình hình thực tế từng giai đoạn; các mục tiêu và kế hoạch hoạt động được rà soát, đánh giá và điều chỉnh khi cần thiết nhằm bảo đảm phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.



ty.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

Không có.

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

Không có.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|-----|-----------------------|----------------|--------------|--------------------------------|---------------------------------------|
| 1 | (Ông) Nguyễn Anh Tuấn | Trưởng BKS | 0% | 26/04/2021 | Cử nhân Tài chính – Ngân hàng |
| 2 | (Bà) Phạm Thị Thương | Thành viên BKS | 0% | 14/06/2022 | Cử nhân kinh tế, Cử nhân Ngôn ngữ Anh |
| 3 | (Bà) Trương Thị Vân | Thành viên BKS | 0% | 25/04/2024 | Cử nhân luật học |

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

a. Cuộc họp của BKS:

| STT | Thành viên BKS | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|-----------------------|-------------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1 | (Ông) Nguyễn Anh Tuấn | 2/2 | 100% | 100% | |
| 2 | (Bà) Phạm Thị Thương | 2/2 | 100% | 100% | |
| 3 | (Bà) Trương Thị Vân | 2/2 | 100% | 100% | |

b. Các hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định, tập trung giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị. BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, phân công nhiệm vụ cụ thể và xây dựng kế hoạch giám sát; đồng thời kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, phối hợp với bộ phận kiểm soát nội bộ nhằm kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý các tồn tại phát sinh.
- BKS thực hiện thẩm định báo cáo tài chính định kỳ, đánh giá công tác kế toán và lập báo cáo tài chính được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính trung thực, hợp lý và đã được đơn vị kiểm toán chấp thuận toàn phần. Trong kỳ, BKS không phát hiện sai phạm trọng yếu liên quan đến tài chính, kế toán cũng như hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Các nghị quyết, quyết định được ban hành cơ bản bám sát mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.



- Đồng thời, BKS giám sát các giao dịch với bên liên quan, đánh giá các giao dịch được thực hiện đúng thẩm quyền, đảm bảo nguyên tắc minh bạch, công bằng và tuân thủ quy định về công bố thông tin. Hoạt động phối hợp giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị liên quan được thực hiện chặt chẽ, với việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời.
- Trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn, BKS ghi nhận những nỗ lực của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể người lao động trong việc duy trì hoạt động ổn định, kiểm soát chi phí và từng bước cải thiện hiệu quả kinh doanh. Thông qua hoạt động giám sát, BKS cũng đã đưa ra các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, tăng cường kiểm soát rủi ro và góp phần đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

| STT | Họ và tên | Chức danh | Thu nhập cả năm (VND) |
|------------|--------------------------|---|-----------------------|
| I | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | | |
| 1 | Nguyễn Trọng Thanh | Chủ tịch HĐQT | 96.000.000 |
| 2 | Nguyễn Thị Minh Nguyệt | Thành viên HĐQT | 72.000.000 |
| 3 | Võ Thị Hồng Thắm | Thành viên HĐQT | 72.000.000 |
| 4 | Lê Việt Cường | Thành viên HĐQT | 72.000.000 |
| 5 | Nguyễn Tuấn Tú | Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 16/04/2025) | 0 (*) |
| 6 | Cần Thị Bích | Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ 16/04/2025) | 51.000.000 |
| II | BAN KIỂM SOÁT | | |
| 1 | Nguyễn Anh Tuấn | Trưởng Ban Kiểm soát | 48.000.000 |
| 2 | Phạm Thị Thương | TV Ban Kiểm soát | 36.000.000 |
| 3 | Trương Thị Vân | TV Ban Kiểm soát | 36.000.000 |
| III | BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | | |
| 1 | Võ Thị Hồng Thắm | Tổng Giám đốc | 147.004.977 |

(*) Do ông Tú có Thư từ chối nhận thù lao theo nguyện vọng cá nhân nên Công ty không chi trả thù lao năm 2025 đối với (Ông) Nguyễn Tuấn Tú – Thành viên độc lập HĐQT.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Chi tiết trong Phụ lục 01 đính kèm theo Báo cáo thường niên này

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các bộ phận quản lý trong Công ty đã thực hiện việc quản trị Công ty theo đúng quy định pháp luật.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN



1. Ý kiến kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty (Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ và các Công ty con) tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.”

2. Báo cáo tài chính năm 2025

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 của Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Toàn văn Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán của Công ty được Công bố thông tin tại đường dẫn <https://tscantho.com.vn/> – Mục Quan hệ đầu tư./

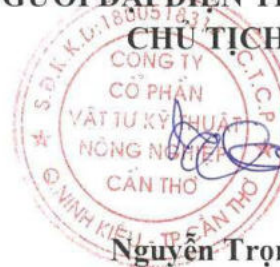
Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu: VT;

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Trọng Thanh



PHỤ LỤC 01

**GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC
GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

| STT No. | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VNĐ) | Ghi chú |
|------------|--|---|---|---|---------------------------------------|--|--|------------|
| 1 | Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T ("FIT") | Công ty mẹ | Số ĐKKD: 0102182140 Ngày cấp: 08/03/2007 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội | Tầng 5, tòa Times Tower - HACC 1 Complex Building, số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 2025 | 1. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024 và Nghị quyết HĐQT số 04/2024/NQ-HĐQT ngày 15/05/2024 2. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025 và Nghị quyết HĐQT số 02/2025/NQ-HĐQT ngày 19/05/2025 | Chi phí thuê văn phòng: 308.612.084 VNĐ | |
| | | | | | | | Chi phí tiền điện và gửi xe (FIT trả hộ): 13.572.845 VNĐ | |
| | | | | | 26/11/2025 | | FIT chuyển tiền hợp tác đầu tur: 80.000.000.000 VNĐ | |
| | | | | | 28/11/2025 | | FIT chuyển tiền hợp tác đầu tur: 36.000.000.000 VNĐ | |
| | | | | | 15/12/2025 | | FIT chuyển tiền hợp tác đầu tur: 28.000.000.000 VNĐ | |
| | | | | | 16/12/2025 | | FIT chuyển tiền hợp tác đầu tur: 8.700.000.000 VNĐ | |
| | | | | | 26/12/2025 | | FIT chuyển tiền hợp tác đầu tur: 700.000.000 VNĐ | |
| 2 | Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây ("Westfood Cần Thơ") | Công ty con cấp 1 | Số ĐKKD: 1800512175 Ngày cấp: 18/06/2003 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ | KCN Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | 2025 | | Doanh thu cho thuê văn phòng: 108.000.000 VNĐ | |
| | | | | | 04/09/2025 | | Westfood Cần Thơ trả tiền vay: 10.000.000.000 VNĐ | |
| | | | | | 15/12/2025 - 17/12/2025 | | TSC thanh toán tiền mua cổ phần Westfood Cần Thơ: 37.053.210.000 VNĐ | |
| | | | | | 31/12/2025 | | Westfood Cần Thơ thanh toán tiền thuê mặt bằng: 237.600.000 VNĐ | |
| | | | | | | | | |



| | | | | | | | | |
|---|---|--|---|---|------------|--|--|--|
| 3 | Công ty Cổ phần FIT Cosmetics | Công ty liên kết; có liên quan với TV HĐQT | Số ĐKKD: 0104344157 Ngày cấp: 22/12/2009 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh | Tầng 2 số 81 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam | 26/06/2025 | | TSC chuyển tiền cho vay: 22.000.000.000 VND | |
| | | | | | 27/06/2025 | | TSC chuyển tiền cho vay: 41.374.000.000 VND | |
| 4 | Công ty Cổ phần Today Cosmetics | Công ty liên kết; có liên quan với TV BKS | Số ĐKKD: 1101403543 Cấp ngày: 23/09/2011 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An | Lô 26, Đường số 9, Khu công nghiệp Tân Đức, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam | 26/06/2025 | | TSC chuyển tiền cho vay: 5.825.000.000 VND | |
| 5 | Công ty TNHH xuất nhập khẩu và thương mại F.I.T Việt Nam (FIT TRADING") | Cùng chung công ty mẹ | Số ĐKKD: 0106567335 Cấp ngày: 10/06/2014 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội | Tầng 5 – Tòa Times Tower, Số 35 Lê Văn Lương, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 29/07/2025 | Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025 và Nghị quyết HĐQT số 02/2025/NQ-HĐQT ngày 19/05/2025 | TSC chuyển tiền hợp tác đầu tư: 100.000.000.000 VND | |
| | | | | | 30/07/2025 | | TSC chuyển tiền hợp tác đầu tư: 100.000.000.000 VND | |
| | | | | | 01/08/2025 | | TSC chuyển tiền hợp tác đầu tư: 50.000.000.000 VND | |
| | | | | | 06/08/2025 | | TSC chuyển tiền hợp tác đầu tư: 50.000.000.000 VND | |
| 6 | Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long ("DCL") | Cùng chung công ty mẹ | Số ĐKKD: 1800512175 Cấp ngày: 09/11/2004 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long | Số 150 đường 14 tháng 9, Phường Thanh Đức, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam | 25/12/2025 | | Doanh thu từ việc thanh lý tài sản cho DCL: 22.685.185 VND | |

